

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018

BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ 6 THÁNG NĂM 2018
(Căn cứ Phụ lục số 28 kèm theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:

- Tên quỹ:	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt Viết tắt: BVPF
- Loại hình quỹ:	Quỹ mở
- Mục tiêu đầu tư:	Tạo ra lợi nhuận có tính chất bền vững, dài hạn cho nhà đầu tư trên cơ sở khai thác hiệu quả cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp có nền tảng hoạt động tốt và triển vọng phát triển tại Việt Nam
- Thời gian hoạt động:	Không giới hạn
- Benchmark:	Lãi suất trúng thầu TP KBNN kỳ hạn 10 năm + 4% (chỉ số tham chiếu để đánh giá nội bộ)
- Chính sách phân chia lợi nhuận:	Lợi nhuận có thể được phân chia dưới hình thức bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư).
- Số lượng đơn vị quỹ:	8.950.380,59 (thời điểm 30/06/2018)
- Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:	Chi tiết đính kèm
- Nội dung nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:	Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2018: <ul style="list-style-type: none">- Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017- Thông qua việc không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 cho Nhà đầu tư- Thông qua sửa đổi một số nội dung tại Điều lệ Quỹ

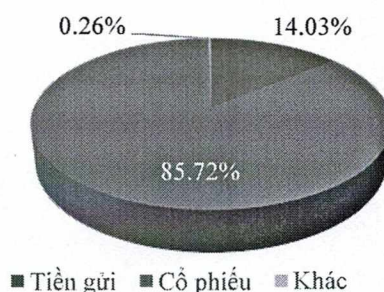
	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt Ngân sách hoạt động cho Ban Đại diện Quỹ năm 2018 - Bầu bổ sung thành viên và Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ - Lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Quỹ BVPF năm 2018
<ul style="list-style-type: none"> - Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 của Thông tư số 183/2011/TT-BTC: 	Công ty quản lý quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

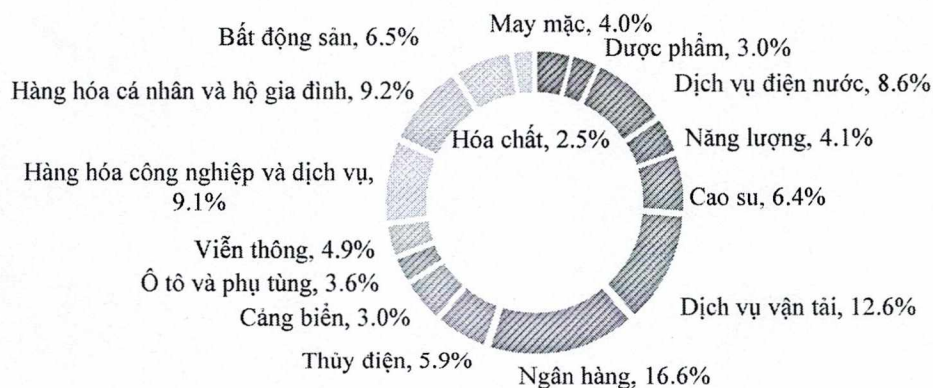
a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại 30/06/2018:

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (tính theo giá trị tài sản ròng):

❖ Theo tài sản:



❖ Theo ngành:



- Giá trị tài sản ròng của quỹ: 97.343.281.549 VNĐ
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ: 10.875 VNĐ/CCQ
- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 8.950.380,59 CCQ
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất trong 6 tháng đầu năm 2018: 12.275 (tại kỳ định giá ngày 06/04/2018)

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị thấp nhất trong 6 tháng đầu năm 2018: 10.610 (tại kỳ định giá ngày 29/05/2018)

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Thu nhập từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	(10.122.723.505)
2	Thu nhập từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, tiền gửi...)	2.387.698.329
3	Chênh lệch mua bán chứng khoán	1.910.519.105
4	Thu nhập khác	-
5	Tổng chi phí	1.195.993.784
	Tổng lợi nhuận	(7.020.499.855)

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: không có.
- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Tỷ lệ chi phí cuối quý I năm 2018	2,20%
Tỷ lệ chi phí cuối quý II năm 2018	2,20%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay danh mục:

Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý I năm 2018	46,31%
Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý II năm 2018	33,44%

b. Chi tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

- Trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm): 4.198.940.968 VNĐ.
- Trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm): 4.419.376.989 VNĐ.
- Trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm): không có.

c. Các chi tiêu so sánh khác:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát BIDV – Chi nhánh Hà thành.

d. Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

a. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ (nếu có): không có.

b. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Do Benchmark là bình quân lãi suất TPCP kỳ hạn 10 năm + 4% nên đánh giá so với benchmark chỉ thực hiện tại thời điểm.

	Tăng trưởng 6 tháng năm 2018
Quỹ BVPF	-6,40%
Benchmark (bình quân lãi suất TPCP kỳ hạn 10 năm + 4%)	4,10%

c. Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo:

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động (active), trong đó tập trung đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam (HSX, HNX, UpCom) dựa trên phương pháp phân tích cơ bản (fundamental analysis - FA). Cổ phiếu được lựa chọn

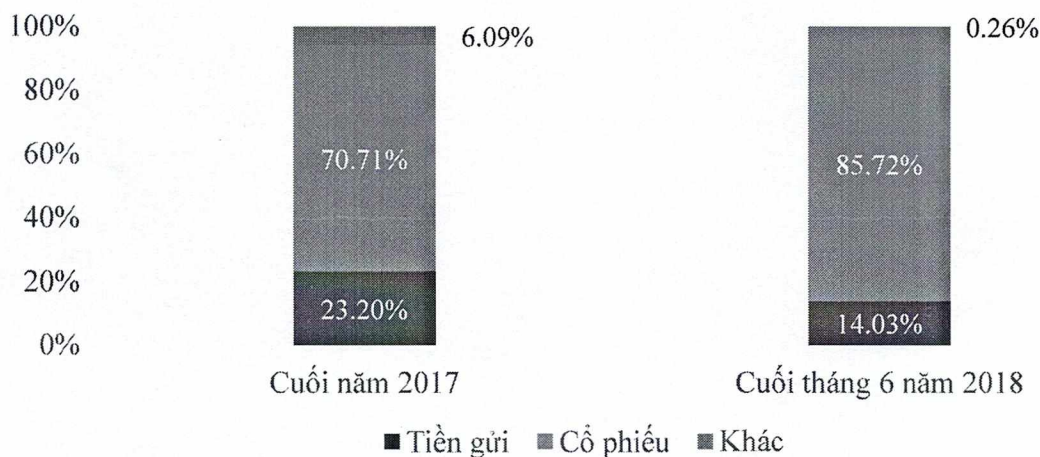
đầu tư phải đáp ứng các tiêu chí đầu tư của Công ty Quản lý quỹ, đảm bảo phản ánh chính xác các yếu tố cốt lõi trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cổ phiếu của các doanh nghiệp mà Công ty Quản lý quỹ có lợi thế thông tin, có quá trình theo dõi, cập nhật liên tục sẽ được ưu tiên. Trong quá trình đầu tư, các yếu tố thị trường của cổ phiếu có thể được xem xét và đóng vai trò hỗ trợ đối với việc ra quyết định đầu tư.

Quỹ tìm kiếm cơ hội đầu tư đối với cả cổ phiếu tăng trưởng (*growth stocks*) và cổ phiếu giá trị (*value stocks*), không giới hạn về quy mô vốn hóa của cổ phiếu, để lựa chọn được các cơ hội đầu tư tối ưu, mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất cho Quỹ. Phương pháp đầu tư được sử dụng chủ yếu là phương pháp tiếp cận từ trên xuống (*top – down approach*), các cổ phiếu sẽ được ưu tiên mua và nắm giữ (*buy and hold*) trong khoảng thời gian trung - dài hạn. Tuy nhiên, tùy thuộc vào biến động của thị trường trong ngắn hạn, Công ty Quản lý quỹ sẽ xem xét thực hiện linh hoạt các giải pháp để gia tăng hiệu quả đầu tư.

Cơ cấu tài sản mục tiêu:

Tài sản	Tỷ trọng (*)	Ghi chú
Cổ phiếu	51% – 100%	<i>Cơ cấu tài sản mang tính định hướng. Tùy thuộc vào tình hình thị trường, Công ty Quản lý</i>
Các tài sản được phép đầu tư khác	0% – 49%	<i>Quỹ sẽ thay đổi cơ cấu tài sản của danh mục đầu tư để đảm bảo đạt được mục tiêu đầu tư của Quỹ.</i>

d. Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề báo cáo:



- e. Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phân lợi nhuận đã phân phối, nếu có):



- f. Đánh giá biến động của thị trường:

- Tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm 2018 đạt 7,08% nhờ mức tăng đột biến của Quý I - cao hơn hẳn mức tăng 5,73% của cùng kỳ năm 2017 và cao nhất kể từ năm 2011 đến nay. Điểm sáng của 6 tháng đầu năm nay đến từ cả 3 khu vực: Khu vực công nghiệp và xây dựng (9%), khu vực nông, lâm, thủy sản (3,93) và khu vực dịch vụ (9%);
- Chỉ số giá tiêu dùng CPI bình quân nửa đầu năm 2018 tăng 3,29% so với bình quân cùng kỳ năm ngoái – CPI bình quân tiến gần đến mục tiêu 4% của Chính phủ. Các yếu tố ảnh hưởng đến chỉ số CPI: (i) giá mặt hàng thịt lợn 6 tháng đầu năm tăng khoảng 20% so với cuối năm 2017 (ii) Giá nhiên liệu trên thế giới tăng mạnh khiến xuất hiện những đợt điều chỉnh tăng giá xăng liên tiếp (iii) Giá nhóm hàng giao thông tăng khoảng 5% so với đầu năm (iv) nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng cũng là một trong những nhóm hàng tăng giá nhiều nhất trong tháng 6 (0,65%)
- IIP 6 tháng đầu năm 2018 tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tiếp tục là điểm sáng dẫn dắt tăng trưởng chung của toàn ngành với mức tăng 12,7%, đóng góp 9,7 điểm phần trăm vào mức tăng chung;
- PMI của Việt Nam trong Quý II liên tục tăng nhanh, tháng 6 đạt 55,7 điểm, cho thấy khu vực sản xuất của Việt Nam đang được mở rộng với tốc độ nhanh chóng, số lượng việc làm tăng cao kỷ lục;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm ước tính đạt 2.120,9 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8,3% (cùng kỳ năm 2017 tăng 7,9%);

- Đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/6/2018 thu hút 1.366 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 11.799,8 triệu USD, tăng 15,5% về số dự án và giảm 0,3% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 6 tháng đầu năm ước tính đạt 8,37 tỷ USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2017;
 - Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2018 ước tính đạt 113,9 tỷ USD, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước. Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 111,2 tỷ USD, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước. Cán cân thương mại hàng hóa 6 tháng đầu năm xuất siêu 2,71 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 12,94 tỷ USD;
 - 6 tháng đầu năm, chỉ số VN - Index giảm 2,4% trong khi HNX - Index tăng 9,2% về điểm số; trong khi giá trị giao dịch tăng lần lượt 76,1% và 76,3% so với cùng kỳ. Diễn biến thị trường trong 6 tháng đầu năm có thể chia làm hai giai đoạn chính: (i) Giai đoạn 1 kéo dài từ đầu năm đến trung tuần tháng Tư, chỉ số VN - Index và HNX - Index tiếp nối đà tăng trưởng mạnh, kéo dài từ cuối năm 2017, và lần lượt thiết lập các mức đỉnh ở 1.211 điểm và 138 điểm (ii) Giai đoạn 2, tính từ giữa tháng Tư đến nay, thị trường chịu áp lực chốt lời mạnh, khối ngoại thực hiện bán ròng và TTCK toàn cầu có nhiều diễn biến tiêu cực... khiến hai chỉ số trải qua nhịp lao dốc mạnh nhất trong khoảng hai năm trở lại đây;
- g. Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có): không có.
- h. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có.
- i. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): không có.
- j. Các thông tin khác (nếu có): không có.

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có): không có.
- b. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư tại Điều 15, 17, 18, 19 của Thông tư thành lập và quản lý quỹ mở (183/2011/TT-BTC), hạn chế vay và hạn chế giao dịch tại Điều 92 của Luật chứng khoán: Không có.
- c. Công ty Quản lý Quỹ định giá sai chứng chỉ Quỹ mở: không có.
- d. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ Quỹ: Không có
- Chi tiết về việc phát hành CCQ

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2017

8.531.741,60 CCQ

Tổng số chứng Quỹ phát hành thêm trong kỳ	1.091.059,46 CCQ
Tổng số chứng Quỹ mua lại trong kỳ	(672.420,47) CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 30/06/2018	8.950.380,59 CCQ

- e. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định khác mà ngân hàng giám sát (“NHGS”) phát hiện: Không có.
- f. Các hoạt động khác.

Sai lệch về hạn chế đầu tư của Quỹ:

Trong 6 tháng đầu năm 2018, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt về cơ bản đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở. Tuy nhiên tại các kỳ định giá ngày 29/06/2018 và 30/06/2018, do biến động giá thị trường, tỷ lệ tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ vượt quá hạn mức tối đa 40% quy định tại khoản 1.d, điều 11 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.f, điều 15 của Thông tư 183/2011/TT-BTC. Theo quy định tại khoản 6, Điều 15 của Thông tư 183/2011/TT-BTC, Công ty quản lý quỹ được phép điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng hạn mức đầu tư quy định trong thời hạn ba tháng.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

- a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu (từ ngày 31/12/2017 đến ngày 30/06/2018)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	128.798.648
% Tổng chi phí ủy quyền/Lợi nhuận	-1,83
% Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập	5,39
% Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí	10,77%

- b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có.
- c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt cung cấp dịch vụ đại lý phân phối, Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Chỉ tiêu (từ ngày 31/12/2017 đến ngày 30/06/2018)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	128.798.648
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	66.000.000
Phải trả cho Đại lý phân phối	62.798.648

- d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD). Dịch vụ đại lý phân phối ngoài BVF được ủy quyền cho Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt (BVSC). Theo đánh giá của BVF, VSD và BVSC đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Vì vậy, hoạt động ủy quyền cho Quỹ BVPF được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ trong 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đối với Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt (BVPF).

Trân trọng./.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình An